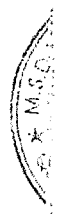


**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÌM SƠN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Thanh Hóa, tháng 08 năm 2015

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 26



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Doãn Nam Khánh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 20/04/2015)
Ông Ngô Sỹ Túc	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 20/04/2015)
Ông Trần Văn Chương	Ủy viên
Ông Tạ Duy	Ủy viên
Ông Mai Viết Dụng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 20/04/2015)
Ông Nguyễn Hữu Kiệt	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 20/04/2015)

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Văn Chương	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

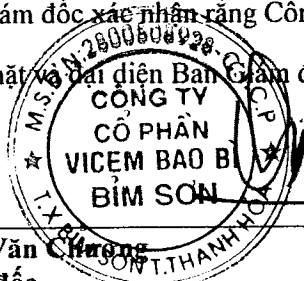
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Trần Văn Chương**  
Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 8 năm 2015

Số: 175/2015/AP - BCSX

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/06/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và thuyết minh báo cáo tài chính được lập trình bày từ trang 4 đến trang 26 kèm theo (Sau đây gọi tắt là báo cáo tài chính bán niên 2015). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính bán niên 2015 này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính bán niên 2015 dựa trên việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào cho rằng báo cáo tài chính bán niên kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính bán niên độ.



**Vũ Bình Minh**  
Giám đốc  
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán 0034-2013-148-1

**Ngô Việt Thanh**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán 1687-2013-148-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ**

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

**MẪU SỐ B01a - DN**  
 Đơn vị tính: VND

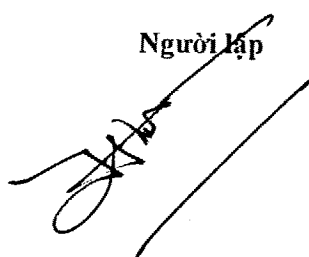
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>164.065.253.878</b>	<b>144.793.174.163</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>9.002.668.073</b>	<b>5.807.327.221</b>
1. Tiền	111		9.002.668.073	5.807.327.221
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>2.427.840.000</b>	<b>2.517.909.700</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	4.997.454.550	4.997.454.550
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5	(2.569.614.550)	(2.479.544.850)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>125.075.327.135</b>	<b>112.391.063.261</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	124.265.158.383	112.791.085.437
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		344.829.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	742.373.752	669.411.824
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(277.034.000)	(1.069.434.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>27.257.539.427</b>	<b>23.866.158.111</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	27.257.539.427	23.866.158.111
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	9	-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>301.879.243</b>	<b>210.715.870</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		33.579.341	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		193.473.923	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	74.825.979	210.715.870
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21.251.782.456</b>	<b>24.743.409.730</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.820.447.603</b>	<b>24.599.372.062</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	20.820.447.603	24.599.372.062
- Nguyên giá	222		108.332.463.950	108.265.663.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87.512.016.347)	(83.666.291.888)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>431.334.853</b>	<b>144.037.668</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		431.334.853	144.037.668
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>185.317.036.334</b>	<b>169.536.583.893</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

**MẪU SỐ B01a - DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			30/06/2015	01/01/2015
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>100.335.664.851</b>	<b>82.102.061.153</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>100.335.664.851</b>	<b>82.102.061.153</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	48.890.922.632	34.141.556.412
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	942.322.437	1.417.761.865
4. Phải trả người lao động	314		4.453.724.504	5.208.764.921
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	1.700.503.664	1.306.331.625
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	677.403.354	1.227.646.330
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	41.100.000.000	38.800.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	879.986.676	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.690.801.584	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>84.981.371.483</b>	<b>87.434.522.740</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>84.981.371.483</b>	<b>87.434.522.740</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	38.000.000.000	38.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	4.590.000.000	4.590.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	37.260.002.161	35.907.473.479
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	5.131.369.322	8.937.049.261
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2	628.620.318
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.131.369.320	8.308.428.943
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>185.317.036.334</b>	<b>169.536.583.893</b>

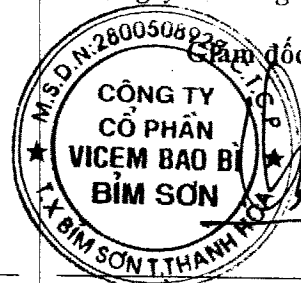
Thanh Hóa, ngày 13 tháng 8 năm 2015

Người lập  


Nguyễn Đình Huy

Kế toán trưởng  


Mai Viết Dung



Trần Văn Chương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B02a- DN

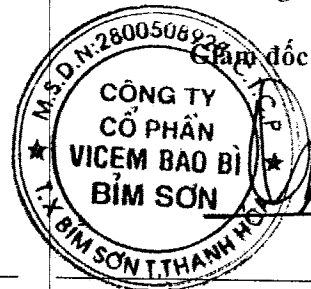
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	139.015.752.448	148.784.721.226
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	1.615.320	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	139.014.137.128	148.784.721.226
4. Giá vốn hàng bán	11	20	122.268.197.670	135.137.482.411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.745.939.458	13.647.238.815
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	47.973.665	34.851.250
7. Chi phí tài chính	22	22	1.484.735.084	118.511.931
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.394.216.665	1.839.011.045
8. Chi phí bán hàng	25	23	1.780.430.313	1.726.954.587
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	6.920.847.726	5.808.628.452
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.607.900.000	6.027.995.095
11. Thu nhập khác	31		1.400.000	61.842.100
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		1.400.000	61.842.100
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.609.300.000	6.089.837.195
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.477.930.680	1.365.556.650
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.131.369.320	4.724.280.545
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.350	1.243

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 8 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Huy

Mai Viết Dung

Trần Văn Chương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

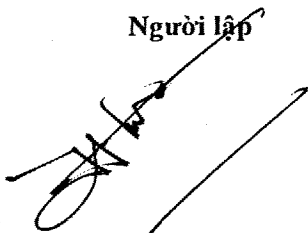
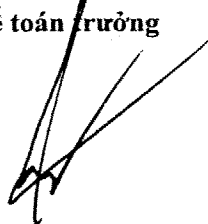
MẪU SỐ B03a - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>I. DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.609.300.000	6.089.837.195
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.845.724.459	4.635.051.840
- Các khoản dự phòng	03	(702.330.300)	(1.935.721.012)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(47.790.950)	(34.851.250)
- Chi phí lãi vay	06	1.394.216.665	1.839.011.045
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.099.119.874	10.593.327.818
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(12.327.322.165)	(4.436.638.516)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.678.678.501)	2.592.693.377
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14.197.292.432	(2.827.731.373)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(33.579.341)	(87.500.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.358.349.876)	(1.848.409.516)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.475.509.921)	(1.747.778.633)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	566.900.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.681.398.100)	(2.439.461.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.741.574.402	365.402.157
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(66.800.000)	(317.042.827)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.751.085.200
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.384.950	34.851.250
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(51.415.050)	1.468.893.623
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	73.700.000.000	87.341.400.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(71.400.000.000)	(88.927.965.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.794.818.500)	(3.704.632.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.494.818.500)	(5.291.197.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.195.340.852	(3.456.901.720)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.807.327.221	6.071.988.999
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.002.668.073	2.615.087.279

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 8 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng


Nguyễn Đình Huy

Mai Viết Dung

Trần Văn Chương



**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn là công ty cổ phần hoạt động theo các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 07/06/1999; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 02 số 2800508928 ngày 25/11/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BPC.

Trụ sở chính của Công ty tại phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất giấy nhãn, bia nhãn, bao bì từ giấy và bì (Chi tiết: Sản xuất các loại bao bì từ nhựa, giấy);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Kinh doanh các loại bao bì từ nhựa, giấy);
- Xuất nhập khẩu bao bì các loại, thiết bị, vật tư và phụ tùng sản xuất bao bì).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Áp dụng Chế độ kế toán mới**

Kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 có thể không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Công cụ tài chính**

##### ***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính:*** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

***Công nợ tài chính:*** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<b>Năm</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	05

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, lãi suất áp dụng và theo thông báo của ngân hàng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa hình thành nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian quá trình đầu tư, sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu và cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào trạng thái sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÌM SƠN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B09a - DN

**4. TIỀN**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	528.817.900	663.078.900
Tiền gửi ngân hàng	8.473.850.173	5.144.248.321
<b>Cộng</b>	<b><u>9.002.668.073</u></b>	<b><u>5.807.327.221</u></b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Chứng khoán kinh doanh**

	Tại ngày 30/06/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Bim Sơn	290.400	300.000	-
Cổ phiếu Công ty CP Đá xây dựng Hòa Phát	840.000	420.000	420.000
Cổ phiếu Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	286.500.000	55.500.000	231.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	2.952.000.000	1.224.000.000	1.728.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	1.757.824.150	1.147.629.600	610.194.550
<b>Cộng</b>	<b><u>4.997.454.550</u></b>	<b><u>2.427.849.600</u></b>	<b><u>2.569.614.550</u></b>

	Tại ngày 01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Bim Sơn	290.400	290.400	-
Cổ phiếu Công ty CP Đá xây dựng Hòa Phát	840.000	427.000	413.000
Cổ phiếu Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	286.500.000	93.000.000	193.500.000
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	2.952.000.000	1.674.000.000	1.278.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	1.757.824.150	750.192.300	1.007.631.850
<b>Cộng</b>	<b><u>4.997.454.550</u></b>	<b><u>2.517.909.700</u></b>	<b><u>2.479.544.850</u></b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	100.663.932.143	101.467.868.177
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	11.856.240.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	11.744.986.240	11.323.217.260
<b>Cộng</b>	<b><u>124.265.158.383</u></b>	<b><u>112.791.085.437</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BỈM SON**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

**Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bỉm Sơn	100.663.932.143	101.467.868.177
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	11.856.240.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	1.526.850.000

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/06/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	592.721.800	-	123.061.800	-
- Phải thu khác	149.651.952	-	546.350.024	-
<b>Cộng</b>	<u>742.373.752</u>	<u>-</u>	<u>669.411.824</u>	<u>-</u>

**8. NỢ XẤU**

Đối tượng	Tại ngày <u>30/06/2015</u>			
	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
		VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Việt Trung	Trên 3 năm	20.304.000	-	20.304.000
Công ty TNHH Hà Thịnh	Trên 3 năm	256.730.000	-	256.730.000
Công ty Cổ phần Xi măng Yên bình	2 - 3 năm	-	-	-
<b>Cộng</b>		<u>277.034.000</u>	<u>-</u>	<u>277.034.000</u>

Đối tượng	Tại ngày <u>01/01/2015</u>			
	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
		VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Việt Trung	Trên 3 năm	20.304.000	-	20.304.000
Công ty TNHH Hà Thịnh	Trên 3 năm	256.730.000	-	256.730.000
Công ty Cổ phần Xi măng Yên bình	2 - 3 năm	1.132.000.000	339.600.000	792.400.000
<b>Cộng</b>		<u>1.409.034.000</u>	<u>339.600.000</u>	<u>1.069.434.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BỈM SON**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B09a - DN

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.694.026.401	-	9.574.817.244	-
Công cụ, dụng cụ	90.901.271	-	104.252.990	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.156.847.568	-	8.491.887.237	-
Thành phẩm	8.315.764.187	-	5.695.200.640	-
<b>Cộng</b>	<b>27.257.539.427</b>	<b>-</b>	<b>23.866.158.111</b>	<b>-</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

**Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	478.252.002	3.067.247.383	3.545.107.570	391.815
Thuế thu nhập doanh nghiệp	939.509.863	1.477.930.680	1.475.509.921	941.930.622
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	64.879.000	64.879.000	-
Các loại thuế khác	-	14.959.259	14.959.259	-
<b>Cộng</b>	<b>1.417.761.865</b>	<b>4.625.016.322</b>	<b>5.100.455.750</b>	<b>942.322.437</b>

**Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	01/01/2015	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	210.715.870	12.432.985	148.322.876	74.825.979
<b>Cộng</b>	<b>210.715.870</b>	<b>12.432.985</b>	<b>148.322.876</b>	<b>74.825.979</b>



## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	22.001.109.203	79.679.719.026	6.112.559.539	472.276.182	108.265.663.950
Mua trong kỳ	-	-	-	66.800.000	66.800.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	<u>22.001.109.203</u>	<u>79.679.719.026</u>	<u>6.112.559.539</u>	<u>539.076.182</u>	<u>108.332.463.950</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	14.972.775.123	64.912.911.693	3.567.987.458	212.617.614	83.666.291.888
Trích khấu hao trong kỳ	906.581.223	2.536.020.945	360.907.786	42.214.505	3.845.724.459
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	<u>15.879.356.346</u>	<u>67.448.932.638</u>	<u>3.928.895.244</u>	<u>254.832.119</u>	<u>87.512.016.347</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	<u>7.028.334.080</u>	<u>14.766.807.333</u>	<u>2.544.572.081</u>	<u>259.658.568</u>	<u>24.599.372.062</u>
Tại ngày 30/06/2015	<u>6.121.752.857</u>	<u>12.230.786.388</u>	<u>2.183.664.295</u>	<u>284.244.063</u>	<u>20.820.447.603</u>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2015 hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 52.091.451.255 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 44.477.411.988 đồng). Tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Công ty được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Bim Sơn.

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

**Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

- Công ty Cổ phần hóa chất nhựa Đà Nẵng
- Công ty TNHH Minh Khang
- Công ty TNHH Đông Á
- Phải trả cho các đối tượng khác

Cộng

30/06/2015		01/01/2015	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VND	VND	VND	VND
17.056.019.200	17.056.019.200	-	-
6.296.533.464	6.296.533.464	5.562.089.475	5.562.089.475
8.056.708.100	8.056.708.100	8.927.248.600	8.927.248.600
17.481.661.868	17.481.661.868	19.652.218.337	19.652.218.337
<b>48.890.922.632</b>	<b>48.890.922.632</b>	<b>34.141.556.412</b>	<b>34.141.556.412</b>

**13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

**Vay ngắn hạn**

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn (\*)

Cộng

30/06/2015				01/01/2015	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VND	VND	VND	VND	VND	VND
41.100.000.000	41.100.000.000	73.700.000.000	71.400.000.000	38.800.000.000	38.800.000.000
-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
41.100.000.000	41.100.000.000	73.700.000.000	69.400.000.000	36.800.000.000	36.800.000.000
<b>41.100.000.000</b>	<b>41.100.000.000</b>	<b>73.700.000.000</b>	<b>71.400.000.000</b>	<b>38.800.000.000</b>	<b>38.800.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÌM SƠN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

(\*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 300058024/2014-HĐTDHM/NHCT424 - BAO BÌ ngày 31/12/2014 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn. Hạn mức cho vay tối đa là 60 tỷ đồng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo công bố của ngân hàng tại từng thời điểm nhận nợ. Thời hạn của hạn mức tín dụng đến ngày 5/12/2015. Tài sản đảm bảo là giá trị tài sản theo 2 (hai) hợp đồng thế chấp tài sản số 08.009.0207.MMTB/HĐTC ngày 07/07/2008 và hợp đồng số 08.009.0207.NX/HĐTC ngày 07/07/2008.

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Lãi vay	35.866.789	43.313.889
Các khoản khác	1.664.636.875	1.263.017.736
<b>Cộng</b>	<b>1.700.503.664</b>	<b>1.306.331.625</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	102.120.116	-
Bảo hiểm xã hội	-	715.392
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	113.543.756	108.362.256
Các khoản phải trả, phải nộp khác	461.739.482	1.118.568.682
<b>Cộng</b>	<b>677.403.354</b>	<b>1.227.646.330</b>

**16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	879.986.676	-
<b>Cộng</b>	<b>879.986.676</b>	<b>-</b>

## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## Bảng chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	38.000.000.000	4.590.000.000	34.115.784.902	8.970.101.761	85.675.886.663
Lãi trong năm	-	-	-	8.308.428.940	8.308.428.940
Trích lập các quỹ	-	-	1.791.688.577	-	1.791.688.577
Chia cổ tức	-	-	-	(3.800.000.000)	(3.800.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(4.479.221.440)	(4.479.221.440)
Giảm khác	-	-	-	(62.260.000)	(62.260.000)
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>4.590.000.000</b>	<b>35.907.473.479</b>	<b>8.937.049.261</b>	<b>87.434.522.740</b>
Lãi trong kỳ	-	-	-	5.131.369.320	5.131.369.320
Trích lập các quỹ	-	-	1.352.528.682	-	1.352.528.682
Chi cổ tức	-	-	-	(3.800.000.000)	(3.800.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(5.135.008.625)	(5.135.008.625)
Giảm khác	-	-	-	(2.040.634)	(2.040.634)
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>4.590.000.000</b>	<b>37.260.002.161</b>	<b>5.131.369.322</b>	<b>84.981.371.483</b>

**Phân phối lợi nhuận**

Trong năm 2015 Công ty đã phân phối lợi nhuận theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2015 số 243/NQQ-BBDS ngày 20/04/2015 theo đối phân phối như sau:

Nội dung	Giá trị
	VND
Trích quỹ đầu tư phát triển 30%	1.352.528.682
Chia cổ tức 10%	3.800.000.000
Trích quỹ thưởng ban điều hành	450.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.705.900.258

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	21.100.000.000	21.100.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	16.900.000.000	16.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>38.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</i>	10.000	10.000

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.131.369.320	4.724.280.545
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.131.369.320	4.724.280.545
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.800.000	3.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.350</b>	<b>1.243</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2015	01/01/2015
Nợ khó đòi đã xử lý	923.370.000	923.370.000
Công ty TNHH TMDL & XNK Thanh Long	373.360.000	373.360.000
Công ty Cổ phần Hà Anh	45.000.000	45.000.000
Công ty Cổ phần xi măng Bắc Kạn	505.010.000	505.010.000

	30/6/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại		
USD	90,06	95,00

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.015.752.448	148.784.721.226
- Doanh thu bán thành phẩm vỏ bao	138.565.801.320	148.286.729.790
- Doanh thu bán sản phẩm khác	449.951.128	497.991.436
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.615.320	-
- Hàng bán bị trả lại	1.615.320	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>139.014.137.128</b>	<b>148.784.721.226</b>

Doanh thu với các bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	101.077.956.040	106.918.264.830
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	13.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	12.210.000.000

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Giá vốn thành phẩm vỏ bao	122.095.463.670	134.858.691.804
Giá vốn khác	172.734.000	278.790.607
<b>Cộng</b>	<b>122.268.197.670</b>	<b>135.137.482.411</b>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.384.950	18.224.356
Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.406.000	16.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	182.715	626.894
<b>Cộng</b>	<b>47.973.665</b>	<b>34.851.250</b>

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ so sánh</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	1.394.216.665	1.839.011.045
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	90.060.100	(1.724.274.800)
Chi phí tài chính khác	458.319	3.775.686
<b>Cộng</b>	<b>1.484.735.084</b>	<b>118.511.931</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ so sánh</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>7.713.247.726</b>	<b>6.020.074.464</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	3.078.358.330	2.394.516.633
- Chi phí vật liệu quản lý	183.128.053	254.031.161
- Chi phí đồ dùng văn phòng	53.360.909	92.707.182
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	720.759.537	680.799.756
- Thuế, phí và lệ phí	226.822.404	243.387.592
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.036.143.092	1.036.200.560
- Chi phí bằng tiền khác	2.414.675.401	1.318.431.580
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>1.780.430.313</b>	<b>1.726.954.587</b>
- Chi phí vận chuyển	1.005.469.640	900.316.183
- Chi phí bốc xếp	341.851.673	361.120.404
- Chi phí bằng tiền khác	433.109.000	465.518.000
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>792.400.000</b>	<b>211.446.012</b>
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	792.400.000	211.446.012
<b>Cộng</b>	<b>8.701.278.039</b>	<b>7.535.583.039</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ so sánh</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	188.555.297.052	211.518.276.987
Chi phí nhân công	15.407.959.964	13.486.405.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.725.711.134	5.406.965.898
Dự phòng (hoàn nhập)	(702.339.900)	(211.446.012)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.907.379.418	8.614.273.022
Chi phí khác bằng tiền	4.692.064.150	3.818.984.607
<b>Cộng</b>	<b>220.586.071.818</b>	<b>242.633.460.191</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	6.609.300.000	6.089.837.195
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	108.566.728	117.238.485
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(32.406.000)	(16.000.000)
Trừ: Lỗ được kết chuyển	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	140.972.728	133.238.485
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>6.717.866.728</b>	<b>6.207.075.680</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>1.477.930.680</b>	<b>1.365.556.650</b>
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.477.930.680</b>	<b>1.365.556.650</b>

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ 30/06/2015 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.002.668.073	5.807.327.221
Phải thu khách hàng và phải thu khác	124.730.498.135	111.921.563.815
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.427.840.000	2.517.909.700
<b>Cộng</b>	<b>136.161.006.208</b>	<b>120.246.800.736</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	41.100.000.000	38.800.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	49.352.662.114	35.260.125.094
Chi phí phải trả	1.700.503.664	1.306.331.625
Công nợ tài chính khác	879.986.676	-
<b>Cộng</b>	<b>93.033.152.454</b>	<b>75.366.456.719</b>



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Ngoài việc thực hiện các biện pháp dự phòng rủi ro theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính đối với các khoản phải thu khó đòi, các khoản đầu tư bị tổn thất, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### **Rủi ro thị trường**

#### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

#### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2015.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2015 là 277.034.000 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 1.069.434.000 đồng).

### **Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát được tương ứng với nguồn vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÌM SƠN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B09a - DN**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận và được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại 30/06/2015</b>			
Các khoản vay	41.100.000.000	-	41.100.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	49.352.662.114	-	49.352.662.114
Chi phí phải trả	1.700.503.664	-	1.700.503.664
Công nợ tài chính khác	879.986.676	-	879.986.676
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Các khoản vay	38.800.000.000	-	38.800.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	35.260.125.094	-	35.260.125.094
Chi phí phải trả	1.306.331.625	-	1.306.331.625

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.002.668.073	-	9.002.668.073
Phải thu khách hàng và phải thu khác	124.730.498.135	-	124.730.498.135
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.427.840.000	-	2.427.840.000

Đầu tư tài chính ngắn hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 5 là đầu tư vào các chứng khoán sẵn sàng để bán. Ban giám đốc Công ty đánh giá rằng có thể thanh lý các khoản đầu tư này tại bất kỳ thời điểm nào, do đó phân loại khoản đầu tư này là tài sản tài chính phi phái sinh có thời gian thanh khoản ngắn hạn.

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan như sau

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	101.077.956.040	106.918.264.830
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	13.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	12.210.000.000
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	3.626.988.798	3.725.111.853
Trường Trung cấp nghề kỹ thuật xi măng	60.000.000	-
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	2.110.000.000	2.110.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Số dư với các bên liên quan**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	100.663.932.143	101.467.868.177
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	1.526.850.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	11.856.240.000	-
<b>Phải trả người bán</b>		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	6.362.570.974	6.365.000.000
Trường Trung cấp nghề kỹ thuật xi măng	60.000.000	-
<b>Chi phí phải trả</b>		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	208.524.000	-

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

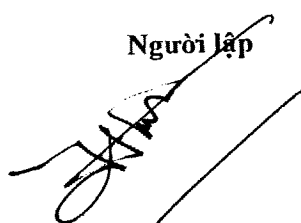
Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

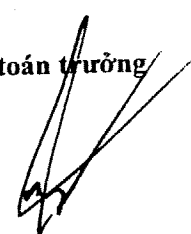
**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

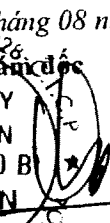
Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 có thể không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bảng cân đối kế toán	Mã số	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2015</u>	<u>Ảnh hưởng</u>
		VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	546.350.024	669.411.824	123.061.800
Tài sản ngắn hạn khác	155	333.777.670	210.715.870	(123.061.800)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	2.517.909.700	2.517.909.700
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	2.517.909.700	-	(2.517.909.700)
<b>Cộng</b>		<u>880.127.694</u>	<u>880.127.694</u>	-
<b>Nguồn vốn</b>				
Quỹ đầu tư phát triển	417	31.605.983.482	-	(31.605.983.482)
Quỹ dự phòng tài chính	418	4.301.489.997	-	(4.301.489.997)
Quỹ đầu tư phát triển	418	-	35.907.473.479	35.907.473.479
<b>Cộng</b>		<u>35.907.473.479</u>	<u>35.907.473.479</u>	-

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Người lập  
  
Nguyễn Đình Huy

Kế toán trưởng  
  
Mai Việt Dũng

Giám đốc  
  
Trần Văn Chương  
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÌM SON  
M.S. DN. 2000508926  
T. X. BÌM SON, THANH HÓA